

Phụ lục II
DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU,
THUỐC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT (1)	Tên thành phần của thuốc (2)	Đường dùng, dạng dùng (3)	Ghi chú (4)
1	Actiso	Uống	
2	Actiso, Biền súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).	Uống	
3	Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính.	Uống	
4	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai.	Uống	
5	Actiso, Rau má.	Uống	
6	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo	Uống	
7	Bách bộ	Uống	
8	Bách bộ, Cát cánh, Mạch môn, Trần bì, Cam thảo, Bối mẫu, Bạch quả, Hạnh nhân, Ma hoàng.	Uống	
9	Bạch chỉ, Phòng phong, Hoàng cầm, Ké đầu ngựa, Hạ khô thảo, Cỏ hôi, Kim ngân hoa	Uống	
10	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bạc hà/Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối/Ô mai, Cam thảo, Bạch phân, Tinh dầu bạc hà/menthol, (Bàng sa).	Uống	
11	Bạch mao căn, Đương quy, Kim tiền thảo, Xa tiền tử, Ý dĩ, Sinh địa	Uống	
12	Bạch phục linh, Kha tử nhục, Nhục đậu khấu, Hoàng liên, Mộc hương, Sa nhân, Gừng	Uống	
13	Bạch tật lê, Bạch thực, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Đan bì/Mẫu đơn bì, Đương quy, Hoài sơn, Phục linh/Bạch linh, Thực địa, Sơn thù./Sơn thù du, Thạch quyết minh, (Trạch tả).	Uống	
14	Bạch thực, Bạch truật, Cam thảo, Diệp hạ châu, Đương quy, Đảng sâm, Nhân trần, Phục linh, Trần bì	Uống	
15	Bạch truật, Cam thảo, Mạch nha, Đảng sâm, Đỗ trọng, Đương quy, Phục linh, Sa nhân, Hoài sơn, Táo nhân, Liên nhục, Bạch thực, Trần bì, Viễn chí, Ý dĩ, Bạch tật lê	Uống	
16	Bạch truật, Đảng sâm, Liên nhục, Cát cánh, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha, Long nhân, Sứ quân	Uống	
17	Bạch truật, Đảng sâm, Ý dĩ, Liên nhục, Hoài sơn, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha/Sơn tra, (Cát cánh), (Thần khúc).	Uống	
18	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng Đăng, Hoài sơn/Sơn Dược, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thực, Cam thảo, Đảng sâm	Uống	
19	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu	Uống	
20	Bạch truật, Phục thân/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhân), (Đại táo).	Uống	
21	Bạch truật, Ý dĩ, Cam thảo, Mạch nha, Liên nhục, Sơn tra, Đảng sâm, Thần khúc, Phục linh, Phấn hoa, Hoài Sơn, Cao xương hỗn hợp.	Uống	
22	Bìm bìm biếc, Phan tả diệp, Đại hoàng, Chỉ xác, Cao mật	Uống	

STT (1)	Tên thành phần của thuốc (2)	Đường dùng, dạng dùng (3)	Ghi chú (4)
23	Bột bèo hoa dâu	Uống	
24	Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thược, Đan sâm, Bản lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chỉ thực, Mạch nha, Nghệ	Uống	
25	Cam thảo, Đảng sâm, Dịch chiết men bia	Uống	
26	Cam thảo, Đương quy, Hoàng kỳ, Khương hoạt, Khương hoàng, Phòng phong, Xích thược, Can khương.	Uống	
27	Camphor/Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu trầm, Tinh dầu hương nhu, Tinh dầu quế, (Methol).	Dùng ngoài	
28	Cao khô lá dâu tằm	Uống	
29	Cao khô Trinh nữ hoàng cung	Uống	
30	Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ, Cao toàn phần không xà phòng hóa dầu đậu nành.	Uống	
31	Cao xương hổn hợp/Cao quy bản, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa.	Uống	
32	Cát cánh, Kinh giới, Tử uyên, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn.	Uống	
33	Cát lâm sâm, Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Ý dĩ, Hoài sơn, Khiêm thực, Liên nhục, Mạch nha, Sứ quân tử, Sơn tra, Thần khúc, Cóc tinh thảo, Ô tặc cốt, Bạch	Uống	
34	Câu đằng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch quyết minh, Ngưu tất, Ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, (Hòe hoa).	Uống	
35	Chè dây.	Uống	
36	Đan sâm, Tam thất, Borneol/Băng phiến/Camphor.	Uống	
37	Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Cam thảo, Thục địa, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu	Uống	
38	Đảng sâm, Thục địa, Đương quy, Dâm dương hoắc, Ba kích, Cầu tích, Đỗ trọng, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Bạch thược, Xuyên khung, Cam thảo.	Uống	
39	Đảng sâm, Thục địa, Quế, Ngũ gia bì, Đương qui, Xuyên khung, Long nhãn, Trần bì.	Uống	
40	Đảng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen.	Uống	
41	Dầu gió các loại.	Dùng ngoài	
42	Địa liên, Thương truật, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Long não.	Dùng ngoài	
43	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa	Uống	
44	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử.	Uống	
45	Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần.	Uống	
46	Diệp hạ châu, Chua ngọt, Cỏ nhọ nôi.	Uống	
47	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất.	Uống	
48	Diệp hạ châu, Nhân trần, Cỏ nhọ nôi, (Râu ngô/Râu bắp), (Kim ngân hoa), (Nghệ).	Uống	
49	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa.	Uống	
50	Diệp hạ châu.	Uống	
51	Diệp hạ châu/ Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực.	Uống	
52	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương)	Uống	
53	Đinh lăng, Bạch quả, Cao đậu tương lên men	Uống	
54	Đinh lăng, Bạch quả/Ginkgo biloba	Uống	

STT (1)	Tên thành phần của thuốc (2)	Đường dùng, dạng dùng (3)	Ghi chú (4)
55	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim/Ngũ gia bì, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy, Quế/Quế chi, Cam thảo	Uống	
56	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bồ cốt chi	Uống	
57	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thực địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy,	Uống	
58	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân/Dây đau xương, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thực địa/Đại hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân	Uống	
59	Đương quy, Bạch quả	Uống	
60	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thực địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	Uống	
61	Đương quy, Đỗ trọng, Câu tích, Đan sâm, Liên nhục, Tục đoạn, Thiên ma, Cốt toái bổ, Độc hoạt, Sinh địa, Uy linh tiên, Thông thảo, Khương hoạt, Hà thủ ô đỏ.	Uống	
62	Đương quy, Xuyên khung, Thực địa, Bạch thược, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Cam thảo.	Uống	
63	Hà thủ ô đỏ, Đảng sâm, Sơn thù, Mạch môn, Hoàng kỳ, Bạch truật, Cam thảo, Ngũ vị tử, Đương quy, Mẫu đơn bì	Uống	
64	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thực địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	Uống	
65	Hải mã, Lộc nhung, Nhân sâm, Quế.	Uống	
66	Hải sâm	Uống	
67	Hoắc hương/ Quang hoắc hương, Tía tô/ Tử tô diệp, Bạch chỉ, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh,	Uống	
68	Hoài sơn, Đậu ván trắng/Bạch biển đậu, Ý dĩ, Sa nhân, Mạch nha, Trần bì, Nhục đậu khấu, Đảng sâm, Liên nhục.	Uống	
69	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn	Uống	
70	Hoàng bá, Khiếm thực, Liên tu, Tri mẫu, mẫu lệ, Phục linh, Sơn thù, Viễn chí	Uống	
71	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược	Uống	
72	Hoàng kỳ, Đương quy, Kỳ tử.	Uống	
73	Hoàng liên, Vân Mộc hương, Đại hồi, Sa nhân, Quế nhục, Đinh hương.	Uống	
74	Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chi xác, Ngưu tất, Bạch quả, (Đào nhân), (Cát cánh)	Uống	
75	Húng chanh, Núc nác, Cineol.	Uống	
76	Huyết giác, Đinh hương, Quế nhục, Đại hồi, Bạc hà, Một dược, Nhũ hương, Nghệ, Tinh dầu Long não, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu Quế.	Dùng ngoài	
77	Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thổ phục linh, Phòng kỷ/Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác.	Uống	
78	Hy thiêm, Ngưu tất, Quế chi, Câu tích, Sinh địa, Ngũ gia bì.	Uống	
79	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Uống	

STT (1)	Tên thành phần của thuốc (2)	Đường dùng, dạng dùng (3)	Ghi chú (4)
80	Hy thiêm, Thục địa, Tang ký sinh, Khương hoạt, Phòng phong, Đương quy, Đỗ trọng, Thiên niên kiện.	Uống	
81	Ích mẫu, Bạch thược, Đại hoàng, Thục địa, Hương phụ, Đương quy, Bạch truật, Xuyên khung, Huyền hồ sách,	Uống	
82	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy)	Uống	
83	Kha tử, Mộc hương, Hoàng liên, Bạch truật, Cam thảo, Bạch thược	Uống	
84	Kim ngân hoa, Liên kiều, Cát cánh, Bạc hà, Đạm trúc diệp, Cam thảo, Kinh giới tuệ/Kinh giới, Ngưu bàng tử, (Đạm đậu sị).	Uống	
85	Kim ngân hoa, Liên kiều, Diệp hạ châu, Bồ công anh, Mấu đơn bì, Đại hoàng	Uống	
86	Kim ngân hoa, Nhân trần/Nhân trần tía, Thương nhĩ tử, Nghệ, Sinh địa, Bồ công anh, Cam thảo.	Uống	
87	Kim ngân, Hoàng cầm, Liên kiều, Thăng ma.	Uống	
88	Kim tiền thảo	Uống	
89	Kim tiền thảo, Chi thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng.	Uống	
90	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô.	Uống	
91	Kim tiền thảo, Trạch tả, (Thục địa), (Đường kính trắng).	Uống	
92	Lá khô, Dạ cẩm, Cỏ hàn the, Khổ sâm, Ô tặc cốt.	Uống	
93	Lá lót, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh	Uống	
94	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).	Uống	
95	Lá sen/Tâm sen, Lá vông, Bình vôi/Rotundin.	Uống	
96	Lá thường xuân.	Uống	
97	Lá xoài.	Dùng ngoài	
98	Lạc tiên, Vông nem, Lá dâu/Tang diệp.	Uống	
99	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor.	Dùng ngoài	
100	Linh chi, Đương quy.	Uống	
101	Long đóm thảo, Chi tử, Đương quy, Sài hồ, Hoàng cầm, Trạch tả, Xa tiền tử, Sinh địa/Địa hoàng, Cam thảo, (Mộc	Uống	
102	Long não/Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, (Methyl salicylat), (Menthol/Eucalyptol), (Gừng), (Tinh dầu hương nhu trắng).	Dùng ngoài	
103	Ma hoàng, Bán hạ, Ngũ vị tử, Tỳ bà diệp, Cam thảo, Tế tân, Can khương, Hạnh nhân, Bối mẫu, Trần bì.	Uống	
104	Ma hoàng, Hạnh nhân/Khổ hạnh nhân, Quế Chi/Thạch cao, Cam thảo.	Uống	
105	Mã tiền chế, Độc hoạt, Xuyên khung, Tế tân, Phòng phong, Quế chi, Hy thiêm, Đỗ trọng, Đương quy, Tần giao, Ngưu	Uống	
106	Mã tiền chế, Đương quy, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh	Uống	
107	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì, (Tam Thất).	Uống	
108	Mã tiền chế, Thương truật, Hương phụ tứ chế, Mộc hương, Địa liên, Quế chi.	Uống	
109	Mã tiền, Ma hoàng, Tầm vôi, Nhũ hương, Một dược, Ngưu tất, Cam thảo, Thương truật.	Uống	
110	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì).	Uống	
111	Mộc hương, Hoàng liên/Berberin, (Xích thược/Bạch thược), (Ngô thù du).	Uống	
112	Nghệ vàng	Uống	

STT (1)	Tên thành phần của thuốc (2)	Đường dùng, dạng dùng (3)	Ghi chú (4)
113	Ngưu nhĩ phong, La liểu	Uống	
114	Ngưu tất, Nghệ, Hoa hòe/Rutin, (Bạch truật).	Uống	
115	Nha đam tử, Berberin, Tỏi, Cát căn, Mộc hương.	Uống	
116	Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, Hòe hoa, Cỏ nhọ nổi, Kim ngân hoa, Đào nhân.	Uống	
117	Nhân sâm, Nhung hươu, (Cao ban long).	Uống	
118	Nhân sâm, Tam thất.	Uống	
119	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại	Uống	
120	Nhân trần, Bò công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa.	Uống	
121	Nhân trần, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Đương quy, Mạch môn, Long đóm, Chi tử, Hoàng cầm, (Cam thảo), (Mộc	Uống	
122	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục/Quế chi, Thiên niên kiện, (Uy Linh tiên), (Mã tiền), Huyết giác, (Xuyên khung), Methyl salicylat/Camphora, (Tế tân), (Riềng).	Dùng ngoài	
123	Ô đầu, Mã tiền/Địa liên, Thiên niên kiện, Quế nhục/Quế chi, Đại hồi, Huyết giác, Tinh dầu Long não, Methyl	Dùng ngoài	
124	Phòng đăng sâm, Thương truật, Hoài sơn, Hậu phác, Mộc hương, Ô tặc cốt, Cam thảo	Uống	
125	Phòng phong, Hòe giác, Đương quy, Địa du, Chi xác, Hoàng cầm	Uống	
126	Râu mèo, Actiso, (Sorbitol).	Uống	
127	Sài đất, Thương nhĩ tử, Kinh giới, Thổ phục linh, Phòng phong, Đại hoàng, Kim ngân hoa, Liên kiều, Hoàng liên, Bạch chi, Cam thảo.	Uống	
128	Sài hồ, Bạch truật, Gừng tươi, Bạch linh, Đương quy, Bạch thược, Cam thảo, Bạc hà.	Uống	
129	Sài hồ, Tiền hồ, Xuyên khung, Chi xác, Khương hoạt, Độc hoạt, Phục linh/Bạch linh, Cát cánh, Nhân sâm/Đảng sâm, Cam thảo.	Uống	
130	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo.	Uống	
131	Sinh địa, Mạch môn, Thiên hoa phấn, Hoàng kỳ, Kỳ tử/Câu kỳ tử, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Mẫu đơn bì, Hoàng liên, Nhân sâm, (Thạch cao).	Uống	
132	Sinh địa, Mạch môn, Thiên môn/Thiên môn đông, Táo nhân, Bá tử nhân, Huyền sâm, Viễn chí, Ngũ vị tử, Đảng sâm, Đương quy, Đan sâm, Phục thần, Cát cánh.	Uống	
133	Sinh địa/Địa hoàng, Nhân sâm/Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, (Bá tử nhân), (Chu sa), (Cam thảo).	Uống	
134	Sử quân tử, Bình lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hòe hoàng liên, Mộc hương.	Uống	
135	Tam thất.	Uống	
136	Tân di hoa, Thăng ma, Xuyên khung, Bạch chi, Cam thảo.	Uống	
137	Tân di/Tân di hoa, Cáo bản, Bạch chi, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo.	Uống	
138	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện.	Uống	

STT (1)	Tên thành phần của thuốc (2)	Đường dùng, dạng dùng (3)	Ghi chú (4)
139	Thanh cao/Thanh hao, Kim ngân hoa, Địa liên, Tía tô, Kinh giới, Thích gia đẳng, Bạc hà.	Uống	
140	Thỏ miết trùng, Hồng hoa, Tự nhiên đồng, Long não, Hạt đưa chuột, Tục đoạn, Tam thất, Đương quy, Lạc tân phụ.	Uống	
141	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bắt tử, Nấm sò khô.	Uống	
142	Thỏ ty tử, Phúc bồn tử, Câu kỷ tử, Cửu thái tử, Thạch liên tử, Phá cố chi/Phá cố tử, Xà sàng tử, Kim anh tử, Ngũ vị tử, Thục địa, Dâm dương hoắc, Hải mã, Nhân sâm, Lộc nhung, Quế nhục.	Uống	
143	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mau đơn bì, Bạch linh/Bạch phục linh/Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa.	Uống	
144	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mau đơn bì, Trạch tả, Bạch linh/Phục linh, Sơn thù, Phụ tử chế/Hắc phụ, Quế/Quế nhục.	Uống	
145	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	Uống	
146	Thục địa, Hoài sơn, Trạch tả, Cúc hoa, Thảo quyết minh, Hạ khô thảo, Hà thủ ô đỏ, (Đương quy).	Uống	
147	Thục địa, Phục linh, Hoài Sơn, Sơn thù, Trạch tả, Xa tiền tử, Ngưu tất, Mẫu đơn bì, Nhục quế, Phụ tử chế.	Uống	
148	Thục địa, Táo nhục, Củ sừng, Thạch học, Hoài sơn, Tỳ giải.	Uống	
149	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà, (Kim ngân hoa)	Uống	
150	Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương).	Uống	
151	Tinh dầu tràm/Cineol, Tinh dầu gừng, Tinh dầu tần, Menthol, (Eucalyptol).	Uống	
152	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam	Uống	
153	Tỏi, Nghệ.	Uống	
154	Trần bì, Đương quy, Mạch nha, Phục linh, Chỉ xác, Thanh bì, Bạch truật, Hậu phác, Bạch đậu khấu, Can khương,	Uống	
155	Trình nữ hoàng cung, Tri mẫu, Hoàng Bá, Ích mẫu, Đào nhân, Trạch tả, Xích thực, Nhục quế	Uống	
156	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thực, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, (Mã tiền).	Uống	
157	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh/Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol, (Menthol)	Uống	
158	Xích đồng nam, Ngây hương, Thục địa, Hoài sơn, Đan bì, Bạch linh, Trạch tả, Mật ong.	Uống	
159	Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo bắc	Uống	
160	Xuyên khung, Khương hoạt, Bạch chỉ, Hoàng cầm, Phòng phong, Sinh địa, Thương truật, Cam thảo, Tế tân	Uống	

STT (1)	Tên thành phần của thuốc (2)	Đường dùng, dạng dùng (3)	Ghi chú (4)
161	Xuyên khung, Tần giao, Bạch chỉ, Đương quy, Mạch môn, Hồng sâm, Ngô thù du, Ngũ vị tử, Băng phiến/Borneol	Uống	
	Tổng cộng: 161 danh mục thuốc		

Ghi chú:

1. Về cách ghi tên thành phần của thuốc tại Cột (2): Các thành phần có dấu gạch chéo “/” là thành phần có thể thay thế lẫn nhau; các thành phần đặt trong dấu ngoặc đơn “()” là thành phần có thể gia, giảm;
2. Đối với đường dùng, dạng dùng ghi tại Cột (3) được thống nhất như sau:
 - Đường uống bao gồm: uống, ngâm, nhai, đặt dưới lưỡi;
 - Đường dùng ngoài bao gồm: bôi, xoa ngoài, dán trên da, phun, xịt ngoài da, ngâm, xông
 - Đường dùng, dạng dùng khác thực hiện theo quy định hiện hành.
3. Các đơn vị, cơ sở y tế được xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các thuốc có đường dùng, dạng dùng khác với quy định ghi tại cột (3) và nguyên tắc thống nhất về đường dùng, dạng dùng quy định tại mục 2 nêu trên.